

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ  
ĐÔNG ANH LICOGI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lã Quý Duẩn	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Chung	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)
Ông Chu Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2017)
Ông Nguyễn Đình Hóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Khóa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hải	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2017)
Ông Đào Mạnh Hùng	Giám đốc Tài chính (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2017)
Ông Nguyễn Anh Khoa	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Văn phòng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Văn phòng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Văn phòng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Mạnh Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

500 - 4  
i TY  
I HỮU HA  
TTE  
JAM  
TP. HA



Số: *661* /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (gọi tắt là "Văn phòng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, căn cứ vào Thông báo về việc chia lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017 cho các thành viên góp vốn của Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long - Công ty liên doanh của Công ty, Văn phòng Công ty đã ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 với số tiền 34,3 tỷ đồng (năm 2016: ghi nhận lợi nhuận được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long với số tiền 58,6 tỷ đồng).
- Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của đơn vị hạch toán phụ thuộc - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi - Nhà máy Nhôm Đông Anh. Để hiểu rõ tình hình tài chính của Công ty, người đọc cần tham khảo báo cáo tài chính toàn Công ty được phát hành cùng ngày.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0036-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 3 năm 2018  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Vũ Mạnh Hùng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2737-2018-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>632.790.680.013</b>	<b>518.516.677.172</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>31.654.773.914</b>	<b>54.871.968.255</b>
1. Tiền	111		31.654.773.914	54.871.968.255
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>20.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>499.637.776.778</b>	<b>366.257.310.476</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	212.340.807.294	198.383.591.146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	23.571.196.330	8.387.289.649
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		161.058.870.484	116.228.005.049
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	70.540.727.778	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	49.243.934.111	61.346.072.194
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(17.117.759.219)	(18.087.647.562)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>81.177.391.745</b>	<b>97.165.791.543</b>
1. Hàng tồn kho	141		83.807.244.521	99.165.401.175
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.629.852.776)	(1.999.609.632)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>320.737.576</b>	<b>221.606.898</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	24.816.657	221.606.898
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		295.920.919	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>238.807.321.306</b>	<b>245.910.862.131</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>28.616.927.716</b>	<b>32.917.835.824</b>
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		28.616.927.716	32.917.835.824
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.374.342.632</b>	<b>49.310.516.355</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	45.374.342.632	47.325.334.678
- Nguyên giá	222		158.459.147.677	151.202.158.246
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.084.805.045)	(103.876.823.568)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	15	-	1.985.181.677
- Nguyên giá	225		-	2.646.908.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(661.727.232)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.905.788.761</b>	<b>913.272.727</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.905.788.761	913.272.727
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>159.253.337.143</b>	<b>159.253.337.143</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		159.253.337.143	159.253.337.143
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.656.925.054</b>	<b>3.515.900.082</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.656.925.054	3.515.900.082
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>871.598.001.319</b>	<b>764.427.539.303</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>450.642.711.562</b>	<b>423.349.902.587</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>444.243.231.562</b>	<b>412.899.902.587</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	52.577.481.922	69.244.289.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	92.736.234.282	15.591.645.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.758.921.519	3.926.594.151
4. Phải trả người lao động	314		12.900.936.000	10.687.040.187
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.535.992.206	120.921.434
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	99.891.494
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.598.104.782	47.448.688.219
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	256.033.166.924	256.474.962.550
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	8.240.799.643	879.353.315
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.861.594.284	8.426.516.771
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.399.480.000</b>	<b>10.450.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	6.399.480.000	10.450.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>420.955.289.757</b>	<b>341.077.636.716</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>420.955.289.757</b>	<b>341.077.636.716</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		310.000.000.000	310.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		310.000.000.000	310.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.191.468.857	30.238.149.727
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		839.486.989	839.486.989
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.924.333.911	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nav	421b		70.924.333.911	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>871.598.001.319</b>	<b>764.427.539.303</b>

  
**Hoàng Thị Kim Liên**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Anh Khoa**  
 Kế toán trưởng

  
**Trần Văn Hải**  
 Giám đốc Tài chính

  
**Nguyễn Mạnh Hà**  
 Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>662.019.319.669</b>	<b>593.969.708.395</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	396.436.300
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>662.019.319.669</b>	<b>593.573.272.095</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	27	586.623.848.896	534.504.021.586
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>75.395.470.773</b>	<b>59.069.250.509</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	71.776.907.137	61.392.987.379
7. Chi phí tài chính	22	30	9.166.019.711	10.034.097.259
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.104.728.437	9.998.970.044
8. Chi phí bán hàng	25	31	13.836.019.362	10.402.282.007
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	35.866.707.029	35.990.461.649
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>88.303.631.808</b>	<b>64.035.396.973</b>
11. Thu nhập khác	31		1.410.579.060	204.868.129
12. Chi phí khác	32		3.787.939.628	275.355.005
<b>13. (Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>32</b>	<b>(2.377.360.568)</b>	<b>(70.486.876)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>85.926.271.240</b>	<b>63.964.910.097</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	4.288.902.890	1.576.432.894
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>81.637.368.350</b>	<b>62.388.477.203</b>

  
Hoàng Thị Kim Liên  
Người lập biểu

  
Nguyễn Anh Khoa  
Kế toán trưởng

  
Trần Văn Hải  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	778.773.364.528	590.138.158.991
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(621.602.698.014)	(500.854.381.675)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(61.659.983.000)	(50.204.274.900)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(9.134.284.948)	(9.878.048.610)
5. Tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.941.323.404)	(99.982.674)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	454.291.491.657	392.320.891.326
- Văn phòng Công ty		59.656.433.625	4.551.504.570
- Thu hộ Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		394.635.058.032	387.769.386.756
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(556.843.385.382)	(441.414.429.779)
- Văn phòng Công ty		(109.171.181.331)	(60.815.896.793)
- Chi hộ Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		(447.672.204.051)	(380.598.532.986)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(18.116.818.563)</b>	<b>(19.992.067.321)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.023.812.234)	(10.705.822.940)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	257.620.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(161.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	116.959.272.222	-
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	96.951.865.414	74.672.619.294
- Văn phòng Công ty		90.181.113.942	63.698.908.263
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		6.770.751.472	10.973.711.031
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>45.887.325.402</b>	<b>64.224.416.354</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	927.113.641.341	777.670.502.025
- Văn phòng Công ty		498.229.448.422	420.415.717.898
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		428.884.192.919	357.254.784.127
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(930.641.686.521)	(804.471.182.360)
- Văn phòng Công ty		(540.471.833.011)	(453.369.360.167)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh		(390.169.853.510)	(351.101.822.193)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(959.656.000)	(959.656.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.500.000.000)	(35.817.104.220)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(50.987.701.180)</b>	<b>(63.577.440.555)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(23.217.194.341)</b>	<b>(19.345.091.522)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>54.871.968.255</b>	<b>74.070.737.602</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	146.322.175
<b>Tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>31.654.773.914</b>	<b>54.871.968.255</b>

  
Hoàng Thị Kim Liên  
Người lập biểu

  
Nguyễn Anh Khoa  
Kế toán trưởng

  
Trần Văn Hải  
Giám đốc Tài chính

  
Nguyễn Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc



Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một Thành viên Cơ khí Đông Anh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2013 và Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Xây dựng. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100106391 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 4 năm 2014, thay đổi lần thứ bảy (7) ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Tổng số nhân viên của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 575 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 527 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, và chứng khoán); Kinh doanh bất động sản; Nấu và tôi luyện thép, các sản phẩm đúc; Xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp tinh khiết và hóa chất thí nghiệm (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, sản phẩm đúc, cơ khí và luyện kim; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế và thi công các cấu kiện và sản phẩm nhôm; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu; Triển khai các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ; Thiết kế và chế tạo các sản phẩm: phụ tùng máy xây dựng thiết bị trong ngành xây dựng; Thiết kế máy xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký); Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Chế tạo, lắp ráp máy xây dựng; sản xuất, lắp ráp các thiết bị chịu áp lực; Chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian; Sản xuất phụ tùng, phụ kiện, thiết bị máy cho ngành xây dựng; Kinh doanh xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý, môi giới, đấu giá; Đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Đại lý các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất, gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Sửa chữa, đại tu ô tô, máy kéo; Kinh doanh vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là: Nấu và tôi luyện thép các sản phẩm đúc; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Kinh doanh, đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số công trình chế tạo, lắp ráp giàn không gian có thời gian trên 12 tháng.



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 01 Nhà máy và 01 Công ty liên doanh: Thông tin chi tiết về các đơn vị phụ thuộc và Công ty liên doanh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu và lợi ích</b>	<b>Hoạt động chính</b>
<b>Công ty liên doanh</b>			
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Hà Nội	42%	Cho thuê khu công nghiệp
<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	Hà Nội		Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Văn phòng Công ty đã được kiểm toán.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty không bao gồm số liệu báo cáo tài chính của đơn vị hạch toán phụ thuộc - Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi - Nhà máy Nhôm Đông Anh.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Văn phòng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



## **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

## **Các khoản đầu tư tài chính**

### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Văn phòng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Văn phòng Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Văn phòng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### *Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Văn phòng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Văn phòng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh theo giá gốc. Văn phòng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Văn phòng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

## **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.





### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	<b>Năm nay</b>
	<b>Số năm (*)</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị văn phòng	01 - 05
Tài sản khác	02 - 08

(\*) Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Văn phòng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Văn phòng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Văn phòng Công ty về chi phí đi vay.



Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Văn phòng Công ty, cụ thể:

**Số năm**

Phương tiện vận tải

08

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu bao gồm lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa và chi phí bảo hiểm xe ô tô. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 4 năm kể từ khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (tháng 4 năm 2014).

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Văn phòng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Văn phòng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính, cụ thể:

Đối với sản phẩm đúc, Văn phòng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Đối với sản phẩm công trình giàn không gian, Văn phòng Công ty trích lập dự phòng bảo hành tương ứng với 0,25% doanh thu đã thực hiện của các công trình đã hoàn thành, bàn giao và quyết toán xong trong thời gian bảo hành quy định tại từng hợp đồng cụ thể.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng tỷ lệ dự phòng bảo hành nêu trên đã xây dựng trên cơ sở ước tính hợp lý, phù hợp với nghĩa vụ bảo hành phát sinh thực tế tại Văn phòng Công ty và theo các quy định hiện hành.



**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Văn phòng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chế tạo, lắp ráp giàn không gian và kết cấu thép của Văn phòng Công ty được ghi nhận theo nguyên tắc: khi kết quả thực hiện hợp đồng chế tạo, lắp ráp giàn không gian và kết cấu thép có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Khi kết quả thực hiện không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được ghi nhận căn cứ vào Thông báo về việc chia lợi nhuận cho các thành viên góp vốn. Chênh lệch giữa lợi nhuận đã ghi nhận với lợi nhuận được chia theo Nghị quyết của Hội đồng Thành viên công ty liên doanh công bố sẽ được điều chỉnh vào báo cáo tài chính năm tiếp theo.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

110  
C  
ÁCH  
JE  
VI  
1/10



**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	490.953.200	959.776.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.163.820.714	53.912.192.055
	<b>31.654.773.914</b>	<b>54.871.968.255</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng tiền gửi số 144/2017/04/04/HĐTG ngày 20 tháng 4 năm 2017 với lãi suất 6,7%/năm.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>				
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	159.253.337.143	-	159.253.337.143	-

Tình hình hoạt động của Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Có lãi	Có lãi

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	22.953.129.250	32.653.129.250
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	17.143.430.586	-
Công ty Xi măng CHINFON	15.670.360.706	676.680.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.685.831.746	21.233.127.066
Sampyo Cement Co., Ltd.	10.226.398.000	-
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	7.497.042.065	9.950.668.710
Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Lâm	6.712.023.756	18.712.023.756
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương	7.208.799.197	12.483.612.347
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	4.089.414.917	4.084.414.917
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	1.671.910.000	3.671.910.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	107.482.467.071	94.918.024.458
	<b><u>212.340.807.294</u></b>	<b><u>198.383.591.146</u></b>
<b>Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b><u>28.411.115.396</u></b>	<b><u>38.131.812.890</u></b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Văn phòng Công ty đã thế chấp quyền phải thu của một số khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh và Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.



**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Vĩnh Sáng	12.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam	2.533.222.822	2.533.222.822
Công ty Cổ phần Vận tải và Vật tư Công nghiệp Việt - Hàn	-	2.745.222.337
Công ty TNHH Đức Tháng Năm	2.482.414.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.494.541.667	-
Các đối tượng khác	4.021.017.841	3.108.844.490
	<b><u>23.571.196.330</u></b>	<b><u>8.387.289.649</u></b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản cho vay Công ty mẹ - Tổng Công ty Licogi - CTCP theo Hợp đồng vay vốn số 29/2017/HĐVV/LICOGI- CKĐA ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HĐVV/ LICOGI-CKĐA ngày 25 tháng 9 năm 2017 với kỳ hạn 6 tháng.

**10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận được chia (i)	34.375.334.855	58.603.552.684
Phải thu về ký cược, ký quỹ	7.896.669.997	1.763.528.220
Phải thu về tạm ứng	3.680.136.276	195.577.526
Các khoản phải thu khác	3.291.792.983	783.413.764
	<b><u>49.243.934.111</u></b>	<b><u>61.346.072.194</u></b>
<b>Phải thu khác các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 34)</b>	<b><u>36.619.666.683</u></b>	<b><u>59.137.360.684</u></b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, căn cứ vào Thông báo về việc chia lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2017 cho các thành viên góp vốn của Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long - Công ty liên doanh của Công ty, Văn phòng Công ty đã ghi tăng doanh thu hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 với số tiền 34,3 tỷ đồng (năm 2016: ghi nhận lợi nhuận được chia từ kết quả hoạt động kinh doanh 10 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long với số tiền 58,6 tỷ đồng). Lợi nhuận được chia từ hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm của Công ty liên doanh sẽ được Văn phòng Công ty ghi nhận khi có Thông báo chia lợi nhuận trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán của Công ty liên doanh.



**11. NỢ XẤU**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	<b>21.255.213.417</b>	<b>4.137.454.198</b>		<b>19.824.506.709</b>	<b>1.736.859.147</b>	
Công ty Cổ phần Cosevco 9	3.346.494.000	-	Trên 3 năm	3.346.494.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Ngô Quyền	3.286.000.000	-	Trên 3 năm	3.286.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Việt Nam	2.533.222.822	-	Dưới 2 năm	2.533.222.822	759.966.847	Dưới 2 năm
Công ty Cổ phần Xi măng Đông Lâm	6.712.023.756	3.356.011.878	Dưới 2 năm	-	-	
Ban quản lý dự án Xây dựng Thành phố Đà Nẵng	-	-	Trên 3 năm	3.854.751.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Hệ thống Công nghiệp Việt Á	-	-	Trên 3 năm	1.953.374.400	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	5.377.472.839	781.442.320	Trên 6 tháng	4.850.664.487	976.892.300	Trên 6 tháng

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính.

**12. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND		VND
Hàng mua đang đi đường	5.518.375.434	-	9.482.500.682	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.096.068.023	(2.519.474.243)	25.480.849.155	(1.999.609.632)
Công cụ, dụng cụ	1.915.463.976	-	2.103.845.352	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.273.692.190	-	59.179.665.219	-
Thành phẩm	503.854.933	(110.378.533)	1.979.182.773	-
Hàng hoá	499.789.965	-	939.357.994	-
<b>Cộng</b>	<b>83.807.244.521</b>	<b>(2.629.852.776)</b>	<b>99.165.401.175</b>	<b>(1.999.609.632)</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.137.569.862 VND do hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ (năm 2016: 988.985.700 VND); và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.507.326.718 VND do đã tiêu thụ và xuất sử dụng trong năm 2017 (năm 2016: 17.546.024).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng giá trị của các công trình đang thi công dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và nhận thấy không phải trích lập dự phòng tổn thất cho các công trình này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Văn phòng Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho luân chuyển lưu tại kho của Văn phòng Công ty tại địa chỉ Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ phân bổ	15.737.990	171.699.832
Chi phí sửa chữa	-	4.641.613
Chi phí bảo hiểm	9.078.667	45.265.453
	<b>24.816.657</b>	<b>221.606.898</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Lợi thế kinh doanh	-	302.647.689
Công cụ, dụng cụ phân bổ	104.487.286	302.566.221
Chi phí sửa chữa	3.417.763.046	2.730.667.651
Chi phí khác	134.674.722	180.018.521
	<b>3.656.925.054</b>	<b>3.515.900.082</b>

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	37.269.830.581	103.743.200.682	8.342.039.035	705.551.000	1.141.536.948	151.202.158.246
Tăng trong năm	-	3.858.723.636	1.357.261.364	185.980.182	-	5.401.965.182
Phân loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	2.646.908.909	-	-	2.646.908.909
Thanh lý, nhượng bán	-	(685.814.660)	-	(106.070.000)	-	(791.884.660)
Số dư cuối năm	<b>37.269.830.581</b>	<b>106.916.109.658</b>	<b>12.346.209.308</b>	<b>785.461.182</b>	<b>1.141.536.948</b>	<b>158.459.147.677</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	23.938.644.908	71.551.136.313	6.945.916.955	543.978.420	897.146.972	103.876.823.568
Khấu hao trong năm	1.772.715.337	6.231.388.863	887.765.772	69.930.366	51.421.226	9.013.221.564
Phân loại lại từ tài sản thuê tài chính	-	-	909.874.944	-	-	909.874.944
Thanh lý, nhượng bán	-	(609.045.031)	-	(106.070.000)	-	(715.115.031)
Số dư cuối năm	<b>25.711.360.245</b>	<b>77.173.480.145</b>	<b>8.743.557.671</b>	<b>507.838.786</b>	<b>948.568.198</b>	<b>113.084.805.045</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	13.331.185.673	32.192.064.369	1.396.122.080	161.572.580	244.389.976	47.325.334.678
Tại ngày cuối năm	<b>11.558.470.336</b>	<b>29.742.629.513</b>	<b>3.602.651.637</b>	<b>277.622.396</b>	<b>192.968.750</b>	<b>45.374.342.632</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 22 và 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 24.690.921.977 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 31.234.016.840 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 45.204.397.430 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 12.538.378.814 đồng).



**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.646.908.909</b>	<b>2.646.908.909</b>
Giảm trong năm	(2.646.908.909)	(2.646.908.909)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>661.727.232</b>	<b>661.727.232</b>
Khấu hao trong năm	248.147.712	248.147.712
Giảm trong năm	(909.874.944)	(909.874.944)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.985.181.677</b>	<b>1.985.181.677</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 123.14.05/CTTC ngày 26 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương, Công ty có thể lựa chọn mua lại tài sản thuê khi kết thúc thời hạn thuê với giá bán danh nghĩa là 1.000.000 VND. Ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã thanh lý Hợp đồng số 123.14.05/CTTC và hoàn tất thủ tục mua lại tài sản thuê tài chính này.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Trong năm			
	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm VND
<b>Thuế và các khoản phải trả Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.584.687.271	27.755.364.382	31.340.051.653	-
<i>Thuế giá trị gia tăng phải nộp nội địa</i>	<i>3.584.687.271</i>	<i>17.203.505.551</i>	<i>20.788.192.822</i>	<i>-</i>
<i>Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu</i>	<i>-</i>	<i>10.551.858.831</i>	<i>10.551.858.831</i>	<i>-</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.862.880	6.431.983.493	1.941.323.404	4.689.522.969
- Văn phòng Công ty	-	4.288.902.890	1.941.323.404	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	-	2.143.080.603	-	-
Thuế nhập khẩu	-	2.217.215.375	2.217.215.375	-
Thuế thu nhập cá nhân	143.044.000	1.585.550.954	1.659.196.404	69.398.550
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	-	3.618.482.102	3.618.482.102	-
<b>Cộng</b>	<b>3.926.594.151</b>	<b>41.608.596.306</b>	<b>40.776.268.938</b>	<b>4.758.921.519</b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	-	-	13.747.273.100	13.747.273.100
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	9.003.427.855	9.003.427.855	11.790.188.217	11.790.188.217
Công ty TNHH MTV 27	-	-	3.238.672.900	3.238.672.900
Các đối tượng khác	43.574.054.067	43.574.054.067	40.468.155.061	40.468.155.061
	<b>52.577.481.922</b>	<b>52.577.481.922</b>	<b>69.244.289.278</b>	<b>69.244.289.278</b>
<b>Phải trả nhà cung cấp là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>12.864.836.566</b>		<b>31.398.870.028</b>	

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thép Hòa phát Dung Quất	88.639.320.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành	-	10.726.807.000
Thyssenkrupp Industrial Solutions Ltd	-	3.456.667.582
Các đối tượng khác	4.096.914.282	1.408.170.606
	<b>92.736.234.282</b>	<b>15.591.645.188</b>

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoàn nguyên thu hồi đất cho thuê	3.252.719.697	-
Trích trước tiền sáng kiến cải tiến khoa học kỹ thuật	525.500.000	-
Trích trước tiền ăn ca, bồi dưỡng độc hại	384.495.000	-
Trích trước lãi vay	91.364.923	120.921.434
Khác	281.912.586	-
	<b>4.535.992.206</b>	<b>120.921.434</b>



**20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	212.317.000	62.783.000
Bảo hiểm xã hội	893.683.123	-
Bảo hiểm y tế	161.154.921	-
Bảo hiểm thất nghiệp	70.092.770	-
Cổ tức phải trả	-	46.500.000.000
Các khoản khác	260.856.968	885.905.219
	<b><u>1.598.104.782</u></b>	<b><u>47.448.688.219</u></b>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng đúc	2.053.503.232	648.902.289
Dự phòng bảo hành công trình giàn không gian	6.187.296.411	230.451.026
	<b><u>8.240.799.643</u></b>	<b><u>879.353.315</u></b>

**22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (i)	51.370.470.663	51.370.470.663	374.604.357.183	356.740.978.104	69.233.849.742	69.233.849.742
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	3.898.521.954	3.898.521.954	-	3.898.521.954	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	97.081.294.890	97.081.294.890	212.574.208.218	283.977.036.227	25.678.466.881	25.678.466.881
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên (iii)	30.541.294.874	30.541.294.874	134.691.931.631	112.588.416.562	52.644.809.943	52.644.809.943
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (iv)	52.429.302.370	52.429.302.370	147.758.304.277	127.340.137.545	72.847.469.102	72.847.469.102
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)-Chi nhánh Ba Đình (v)	13.858.421.799	13.858.421.799	55.199.360.032	39.765.210.575	29.292.571.256	29.292.571.256
Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 23)	6.336.000.000	6.336.000.000	6.336.000.000	6.336.000.000	6.336.000.000	6.336.000.000
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Xem Thuyết minh số 23)	959.656.000	959.656.000	-	959.656.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>256.474.962.550</b>	<b>256.474.962.550</b>	<b>931.164.161.341</b>	<b>931.605.956.967</b>	<b>256.033.166.924</b>	<b>256.033.166.924</b>

(i) Ngày 20 tháng 6 năm 2017, Công ty ký kết Hợp đồng tín dụng số 38/2017/HĐTDHM/NHCT144-LICOGI với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành cam kết thanh toán bằng vốn vay phát sinh được điều chỉnh bằng hợp đồng tín dụng số 39/2016/HĐTDHM/NHCT144-CKDA. Thời hạn của hạn mức tín dụng là đến ngày 20 tháng 6 năm 2018. Lãi suất là lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ, được quy định trong từng kế ước nhận nợ và trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền phải thu số 31/2016/HĐTCQPT/NHCT144-CKDA ngày 20 tháng 6 năm 2016 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh và Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi.

(ii) Ngày 08 tháng 6 năm 2017, Công ty được ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương đồng ý cấp hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng (bao gồm cả bảo lãnh) theo Hợp đồng tín dụng số 01/17/HM/VCB.CD-CKDA. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian cho vay tối đa 8 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn của hạn mức tín dụng đến hết ngày 06 tháng 6 năm 2018. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền thuê đất và quyền sử dụng thửa đất thuê đối với thửa đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 495995 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 02 năm 2010 cho Công ty.

11/11/2017 15:11



**22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/18/CTD/VCB.CD-CKDA . Kèm theo Hợp đồng này là Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/18/HM/VCB.CD-CKDA ngày 05 tháng 12 năm 2017 với hạn mức cho vay là 120 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời gian cho vay tối đa 8 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Thời hạn của hạn mức tín dụng hết ngày 30 tháng 6 năm 2018. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần giá trị của 02 tài sản đảm bảo sau khi trừ đi phần nghĩa vụ bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 01/13/TDH/VCB.CD-CKDA ngày 18/12/2013 và Hợp đồng tín dụng số 01/15/DH/VCB.CD-CKDA ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(iii) Tại ngày 01 tháng 12 năm 2017, Công ty được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Long Biên đồng ý cấp hạn mức tín dụng 65 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng số 26946.17.031.588099.TD. Hạn mức này bao gồm hạn mức cho vay, mở LC và phát hành bảo lãnh. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhóm, đúc cơ khí, sản xuất và lắp đặt kết cấu thép và giàn không gian (không tài trợ kinh doanh xăng dầu). Thời hạn của hạn mức tín dụng là đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2018. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bằng các máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi theo Hợp đồng thế chấp số 01.11.031.588099.DB ngày 06 tháng 11 năm 2011 và các phụ lục (nếu có) kèm theo; Công trình xây dựng, khung kết cấu nhà xưởng của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi theo Hợp đồng thế chấp số 62704.15.31.588099.BĐ ngày 19 tháng 10 năm 2015 và các phụ lục (nếu có) kèm theo; Hàng tồn kho luân chuyển lưu tại kho của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi theo Hợp đồng thế chấp số 62703.15.031.588099.BĐ ngày 19 tháng 10 năm 2015.

(iv) Ngày 21 tháng 6 năm 2017, Công ty được Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội đồng ý cấp hạn mức hỗn hợp, hạn mức mở tín dụng chứng từ, hạn mức khoản vay tài trợ mua nguyên vật liệu trong nước/nhập khẩu và hạn mức bảo lãnh với số tiền 4 triệu USD hoặc tương đương bằng VND hoặc ngoại tệ khác/tiện ích theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 160767. Mục đích vay là đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho nhu cầu dịch vụ thương mại. Thời hạn của hạn mức tín dụng không xác định, tùy thuộc vào sự xem xét của Ngân hàng tại từng thời điểm và theo toàn quyền quyết định của Ngân hàng. Lãi suất của khoản vay tài trợ mua nguyên vật liệu trong nước/nhập khẩu áp dụng trên mỗi khoản giải ngân là lãi suất cho vay cơ bản USD/VND/ngoại tệ khác (của thời hạn được chọn trong Thông báo rút vốn) cộng (+) với lãi biên tối đa 1,5%/năm (như được Ngân hàng quyết định) và sẽ được Công ty thanh toán vào cuối năm trên cơ sở hàng tháng bằng cách ghi nợ vào tài khoản liên quan của Công ty mở tại Ngân hàng. Khoản cấp tín dụng được bảo đảm bằng các khoản phải thu hiện tại và tương lai của Công ty theo quy định của Hợp đồng thế chấp số VHN100481/MR ký ngày 12 tháng 5 năm 2010 được sửa đổi ngày 14 tháng 4 năm 2015; hàng hóa luân chuyển trong kho theo quy định của Hợp đồng thế chấp số VHN100481/MS ký ngày 12 tháng 5 năm 2010 được sửa đổi ngày 14 tháng 4 năm 2015.

(v) Ngày 24 tháng 7 năm 2017, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 006DN/2017/HĐTDTM với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Ba Đình với hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng. Ngân hàng sẽ cấp tín dụng cho Công ty dưới hình thức cho vay ngắn hạn, các khoản vay sẽ được Ngân hàng giải ngân với thời hạn tối đa 06 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật.



**23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)	16.786.000.000	16.786.000.000	-	6.336.000.000	10.450.000.000	10.450.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (ii)	-	-	2.285.480.000	-	2.285.480.000	2.285.480.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	959.656.000	959.656.000	-	959.656.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.745.656.000</b>	<b>17.745.656.000</b>	<b>2.285.480.000</b>	<b>7.295.656.000</b>	<b>12.735.480.000</b>	<b>12.735.480.000</b>

**Trong đó:**

Số phải trả trong vòng 12 tháng 7.295.656.000  
Số phải trả sau 12 tháng 10.450.000.000

(i) Ngày 18 tháng 12 năm 2013, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/13/TDH/VCB.CD-CKDA với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền vay là 21,5 tỷ đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc Dự án đầu tư phân xưởng sản xuất bi ròn công suất 12.000 tấn/năm. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng kế ước vay, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Công ty đã thế chấp tài sản của dự án làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 30 tháng 12 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 01/15/DH/VCB.CD-CKDA với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với số tiền vay là 9.639.000.000 đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị gia công chế tạo giàn không gian năm 2015, cụ thể đầu tư mua sắm 01 máy phay 5 trục, 01 máy tiện CNC và 01 máy búa bới 1000 kg. Khoản vay này chịu lãi suất cơ sở là 6,0%/năm cộng với mức biên là 3,4%/năm được điều chỉnh theo thông báo định kỳ, thời hạn vay là 68 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Công ty đã thế chấp 01 máy phay 5 trục và 01 máy tiện CNC để đảm bảo cho khoản vay này.

(ii) Ngày 13 tháng 11 năm 2017, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 12/2017-HĐCVDĐT/NHCT144-CKDA với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với số tiền vay là 11,225 tỷ đồng. Khoản vay được sử dụng để thanh toán các chi phí hợp lý cho dự án: Đầu tư dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng bằng công nghệ Alphasert công suất 2.000 tấn/năm. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng kế ước vay, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Công ty đã thế chấp tài sản của dự án làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay này.



**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	6.336.000.000	7.295.656.000
Trong năm thứ hai	2.410.192.000	6.336.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.989.288.000	4.114.000.000
	<b>12.735.480.000</b>	<b>17.745.656.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	6.336.000.000	7.295.656.000
	<b>6.399.480.000</b>	<b>10.450.000.000</b>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>15.664.720.545</b>	<b>839.486.989</b>	-	<b>326.504.207.534</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	69.005.411.477	69.005.411.477
- Văn phòng Công ty	-	-	-	62.388.477.203	62.388.477.203
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	-	-	-	6.616.934.274	6.616.934.274
Phân bổ các quỹ	-	14.573.429.182	-	(22.505.411.477)	(7.931.982.295)
Chia cổ tức	-	-	-	(46.500.000.000)	(46.500.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>30.238.149.727</b>	<b>839.486.989</b>	-	<b>341.077.636.716</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.533.191.301	89.533.191.301
- Văn phòng Công ty	-	-	-	81.637.368.350	81.637.368.350
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	-	-	-	7.895.822.951	7.895.822.951
Phân bổ các quỹ (i)	-	8.953.319.130	-	(18.608.857.390)	(9.655.538.260)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>39.191.468.857</b>	<b>839.486.989</b>	<b>70.924.333.911</b>	<b>420.955.289.757</b>

- (i) Theo Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2017 ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Công ty và theo Tờ trình số 47/CKĐA-TCKT ngày 02 tháng 3 năm 2018, Công ty đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển với số tiền 8.953.319.130 VND; trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 8.953.319.130 VND; trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát với số tiền 702.219.130 VND.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.000.000	31.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.000.000	31.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	31.000.000	31.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

#### **Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ bảy (7) ngày 31 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 310.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7</b>		<b>Vốn đã góp</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
Tổng Công ty LICOGI - CTCF	276.097.000.000	89,06%	276.097.000.000	276.097.000.000
Các cổ đông khác	33.903.000.000	10,94%	33.903.000.000	33.903.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>310.000.000.000</b>	<b>310.000.000.000</b>

#### **Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 09 tháng 6 năm 2017, Công ty đã đề xuất tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu cho năm 2017 là 15% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Các cổ đông của Công ty sẽ phê duyệt mức cổ tức này tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức sẽ chia này vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Văn phòng Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hợp kim dúc, sản phẩm giàn không gian, kết cấu thép phục vụ lắp dựng các công trình lớn. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm hợp kim dúc, sản phẩm giàn không gian, kết cấu thép phục vụ lắp dựng các công trình lớn. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 26 và số 27.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Văn phòng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.



**26. DOANH THU**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>662.019.319.669</b>	<b>593.969.708.395</b>
Doanh thu bán sản phẩm hợp kim đúc	299.499.194.910	265.854.832.398
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	112.210.107.948	134.719.123.143
Doanh thu thi công công trình giàn không gian	242.370.455.174	186.353.922.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.939.561.637	7.041.830.354
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>396.436.300</b>
Hàng bán bị trả lại	-	396.436.300
	<b>662.019.319.669</b>	<b>593.573.272.095</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>	<b>13.920.691.459</b>	<b>23.019.666.283</b>

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Giá vốn bán sản phẩm hợp kim đúc	262.787.570.002	225.421.701.607
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	110.710.666.756	130.656.442.381
Giá vốn thi công công trình giàn không gian	213.125.612.138	178.425.877.598
	<b>586.623.848.896</b>	<b>534.504.021.586</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	332.634.687.176	308.562.659.985
Chi phí nhân công	75.642.099.691	58.152.633.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.261.369.276	12.557.079.597
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.291.576.181	37.407.686.608
Chi phí khác bằng tiền	20.530.002.818	15.797.912.544
Chi phí dự phòng	(969.888.343)	3.940.631.230
	<b>477.389.846.799</b>	<b>436.418.603.273</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b> <b>VND</b>	<b>Năm trước</b> <b>VND</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.952.896.113	58.603.552.684
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.717.460.039	2.483.994.276
Lãi chênh lệch tỷ giá	106.550.985	305.440.419
	<b>71.776.907.137</b>	<b>61.392.987.379</b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	9.051.834.064	9.844.946.589
Lỗ chênh lệch tỷ giá	61.291.274	35.127.215
Chi phí lãi đi thuê tài chính	52.894.373	154.023.455

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	21.975.221.039	19.547.577.083
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.021.455.827	1.111.601.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.724.516.167	1.762.363.593
Thuế, phí và lệ phí	1.796.240.639	1.708.404.629
Chi phí dự phòng	(969.888.343)	3.940.631.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	731.138.562	157.302.537
Chi phí bằng tiền khác	9.588.023.138	7.762.580.912
	<b>35.866.707.029</b>	<b>35.990.461.649</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	2.083.797.376	2.875.975.865
Chi phí bảo hành	1.404.600.943	940.086.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.141.527.894	5.400.171.262
Chi phí bằng tiền khác	2.206.093.149	1.186.048.091
	<b>13.836.019.362</b>	<b>10.402.282.007</b>

**32. LỖ KHÁC**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn thuế nhập khẩu tạm tính	773.134.060	-
Hoàn tiền chi phí bảo hành sản phẩm	615.960.000	-
Thu nhập khác	21.485.000	204.868.129
	<b>1.410.579.060</b>	<b>204.868.129</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí hoàn nguyên thu hồi đất cho thuê	3.252.719.697	-
Chi phí khác	535.219.931	275.355.005
	<b>3.787.939.628</b>	<b>275.355.005</b>
<b>LỖ KHÁC</b>	<b>(2.377.360.568)</b>	<b>(70.486.876)</b>



**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.287.422.047	1.576.432.894
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.480.843	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.288.902.890</b>	<b>1.576.432.894</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>85.926.271.240</b>	<b>63.964.910.097</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	65.952.896.113	58.603.552.684
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.463.735.107	2.520.807.056
- <i>Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	209.000.000	230.500.000
- <i>Chi phí khấu hao xe ô tô nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ đồng</i>	326.317.016	326.317.016
- <i>Chi phí phạt thuế</i>	8.691.291	23.523.209
- <i>Chi phí dự phòng phải thu khó đòi</i>	919.726.800	1.940.466.831
<b>Thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>21.437.110.234</b>	<b>7.882.164.469</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>4.287.422.047</b>	<b>1.576.432.894</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

1001  
CÔNG  
TỊCH NH  
JEL  
VIỆT  
NG ĐA

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:***

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Cùng chủ sở hữu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	Chi nhánh Công ty
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh

***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>Bán hàng</b>	<b>13.920.691.459</b>	<b>23.019.666.283</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	1.021.902.427	1.390.697.673
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	12.898.789.032	9.644.020.970
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	11.984.947.640
<b>Lãi cho vay</b>	<b>2.665.801.606</b>	-
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	2.665.801.606	-
<b>Mua hàng</b>	<b>13.347.600.000</b>	<b>46.231.079.195</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	-	8.505.941.377
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	13.347.600.000	37.725.137.818
<b>Cố tức</b>	<b>65.952.896.113</b>	<b>58.603.552.684</b>
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	65.952.896.113	58.603.552.684



**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:**

	<b>Số cuối năm VND</b>	<b>Số đầu năm VND</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>28.411.115.396</b>	<b>38.131.812.890</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	22.953.129.250	32.653.129.250
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	4.089.414.917	4.084.414.917
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	865.819.069	919.149.573
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	102.752.160	75.119.150
<b>Phải thu khác</b>	<b>36.619.666.683</b>	<b>59.137.360.684</b>
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	34.375.334.855	58.603.552.684
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	533.808.000	533.808.000
Tổng Công ty LICOGI - CTCP - Lãi dự thu cho vay	1.710.523.828	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>70.540.727.778</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	70.540.727.778	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>12.864.836.566</b>	<b>31.398.870.028</b>
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	9.003.427.855	11.790.188.217
Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi	1.437.914.185	3.437.914.185
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	2.423.494.526	2.423.494.526
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	-	13.747.273.100
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>3.252.719.697</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	3.252.719.697	-
<b>Phải thu nội bộ ngắn hạn</b>	<b>161.058.870.484</b>	<b>116.228.005.049</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	161.058.870.484	116.228.005.049
<b>Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</b>	<b>28.616.927.716</b>	<b>32.917.835.824</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhôm Đông Anh	28.616.927.716	32.917.835.824
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.494.541.667</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	2.494.541.667	-

10 -  
TY  
HỮU  
TE  
AM  
P. H

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.790.719.000	1.840.945.000

**Hoàng Thị Kim Liên**  
Người lập biểu

**Nguyễn Anh Khoa**  
Kế toán trưởng

**Trần Văn Hải**  
Giám đốc Tài chính

M.S.D.N: 0100106397  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ ĐÔNG ANH  
LICOGI  
H. ĐÔNG ANH - TỈNH HẢI PHÒNG

**Nguyễn Mạnh Hà**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

C. T. I. N. H. H.  
AN  
NỘI